

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I – MỤC TIÊU CỦA MÔN TIẾNG VIỆT Ở LỚP 4

1. Chương trình Tiếng học mới xác định mục tiêu của môn Tiếng Việt ở bậc Tiểu học là :

a) Hình thành và phát triển ở học sinh (HS) các *kĩ năng* sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi.

Thông qua việc dạy và học tiếng Việt, góp phần rèn luyện các thao tác của tư duy.

b) Cung cấp cho HS những *kiến thức* sơ giản về tiếng Việt và những hiểu biết sơ giản về xã hội, tự nhiên và con người, về văn hoá, văn học của Việt Nam và nước ngoài.

c) Bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt, góp phần hình thành *nhân cách* con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Ở lớp 4, mục tiêu nói trên được cụ thể hoá thành những yêu cầu về kiến thức và kĩ năng đối với học sinh như sau :

a) *Nghe*

– Nghe – hiểu nội dung lời trao đổi trong hội thoại, nhận ra thái độ, chủ đích của người nói qua nội dung nói và giọng điệu.

– Nghe – hiểu nội dung các tin tức, bình luận, bài giảng, văn bản hướng dẫn, quy định phù hợp với trình độ HS lớp 4, nắm được chủ đích của văn bản.

– Nghe – hiểu các tác phẩm hoặc trích đoạn văn học dân gian, thơ, truyện, kịch,... nhớ được nội dung, nhân vật, chi tiết có giá trị nghệ thuật, biết nhận xét về nhân vật và sự kiện trong tác phẩm tự sự.

– Ghi được ý chính của các văn bản đã nghe.

b) *Nói*

– Biết cách trình bày, trao đổi, tranh luận về những vấn đề gần gũi với đời sống và phù hợp với trình độ của HS lớp 4.

– Biết cách giới thiệu về lịch sử, hoạt động hoặc về các nhân vật tiêu biểu của trường hay của địa phương với khách.

– Biết kể lại một truyện đã đọc, đã nghe hoặc một việc đã làm, đã chứng kiến.

c) Đọc

– Biết cách đọc các loại văn bản hành chính, khoa học, báo chí, văn học phù hợp với thể loại và nội dung văn bản, thể hiện được tình cảm, thái độ của tác giả, giọng điệu của nhân vật.

– Đọc thầm có tốc độ nhanh hơn lớp 3.

– Biết cách xác định đại ý, chia đoạn văn bản, nhận ra mối quan hệ giữa các nhân vật, sự kiện, tình tiết trong bài, biết nhận xét về một số hình ảnh, nhân vật trong các bài tập đọc có giá trị văn chương.

– Biết sử dụng từ điển học sinh. Có thói quen và biết cách ghi chép các thông tin đã học. Học thuộc lòng 10 bài (trong đó có 2 bài văn xuôi) trong sách giáo khoa (SGK).

d) Viết

– Viết đúng chính tả, chữ viết rõ ràng, viết hoa đúng quy định. Có khả năng tự phát hiện và sửa lỗi chính tả. Có thói quen và biết cách lập sổ tay chính tả, hệ thống hoá các quy tắc chính tả đã học.

– Biết cách lập dàn ý cho bài văn, rút ra dàn ý từ đoạn văn đã cho sẵn, chuyển dàn ý thành đoạn văn.

– Biết cách viết thư, điền vào một số loại giấy tờ in sẵn, làm các bài văn kể chuyện và miêu tả đồ vật, cây cối, con vật. Nắm vững cách viết mở bài, kết bài và các đoạn văn.

e) Kiến thức tiếng Việt và văn học (học thành tiết riêng)

– Về từ vựng :

+ Học thêm khoảng 700 từ, thành ngữ, tục ngữ theo chủ điểm. Nắm được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt, một số thành ngữ, tục ngữ thông dụng. Nắm được nghĩa bóng của một số từ trong tác phẩm văn học.

+ Nắm được cấu tạo của tiếng (âm đầu, vần, thanh) và cấu tạo của từ (từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy).

– Về ngữ pháp và ngữ pháp văn bản :

+ Nắm được các khái niệm danh từ, động từ, tính từ.

+ Nắm được các kiểu câu đơn và thành phần của câu đơn (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ) ; các kiểu câu phức vụ cho những mục đích nói chuyên biệt : câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.

+ Nắm được kết cấu ba phần của văn bản.

– Về văn học :

+ Làm quen với một số tác phẩm hoặc trích đoạn tác phẩm văn học dân gian, truyện, thơ, kịch, văn miêu tả của các tác giả trong và ngoài nước.

+ Nắm được các khái niệm cốt truyện, nhân vật, đề tài.

II – QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA "TIẾNG VIỆT 4"

1. Quan điểm dạy giao tiếp

Để thực hiện mục tiêu "hình thành và phát triển ở HS các kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi", cũng như SGK Tiếng Việt ở các lớp 1, 2, 3, SGK *Tiếng Việt 4* lấy nguyên tắc dạy giao tiếp làm định hướng cơ bản.

Có thể hiểu giao tiếp là hoạt động trao đổi tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... nhằm thiết lập quan hệ, sự hiểu biết hoặc sự cộng tác,... giữa các thành viên trong xã hội. Người ta giao tiếp với nhau bằng nhiều phương tiện, nhưng phương tiện thông thường và quan trọng nhất là ngôn ngữ.

Hoạt động giao tiếp bao gồm các hành vi giải mã (nhận thông tin) và kí mã (phát thông tin) ; trong ngôn ngữ, mỗi hành vi đều có thể được thực hiện bằng hai hình thức là khẩu ngữ (nghe, nói) và bút ngữ (đọc, viết).

Quan điểm dạy giao tiếp được thể hiện trên cả hai phương diện nội dung và phương pháp dạy học. Về nội dung, thông qua các phân môn Tập đọc, Chính tả, Luyện từ và câu, Kể chuyện, Tập làm văn, SGK *Tiếng Việt 4* tạo ra những môi trường giao tiếp có chọn lọc để HS mở rộng vốn từ theo định hướng, trang bị những tri thức nền và phát triển các kĩ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp. Về phương pháp dạy học, các kĩ năng nói trên được dạy thông qua nhiều bài tập mang tính tình huống, phù hợp với những tình huống giao tiếp tự nhiên.

2. Quan điểm tích hợp

Tích hợp nghĩa là tổng hợp trong một đơn vị học, thậm chí một tiết học hay một bài tập nhiều mảng kiến thức và kĩ năng liên quan với nhau nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục và tiết kiệm thời gian học tập cho người học. Có thể thực hiện tích hợp theo chiều ngang và tích hợp theo chiều dọc.

a) *Tích hợp theo chiều ngang* là tích hợp kiến thức tiếng Việt với các mảng kiến thức về văn học, thiên nhiên, con người và xã hội theo nguyên tắc đồng quy. Hướng tích hợp này được SGK *Tiếng Việt 4* thực hiện thông qua hệ thống các chủ điểm học tập. Theo quan điểm tích hợp, các phân môn (Tập đọc, Chính tả, Luyện từ và câu, Kể chuyện, Tập làm văn) trước đây ít gắn bó với nhau, nay được tập hợp lại xung quanh trục chủ điểm và các bài đọc ; các nhiệm vụ cung cấp kiến thức và rèn luyện kĩ năng cũng gắn bó chặt chẽ với nhau hơn trước.

b) *Tích hợp theo chiều dọc* là tích hợp ở một đơn vị kiến thức và kĩ năng mới những kiến thức và kĩ năng đã học trước đó theo nguyên tắc đồng tâm (còn gọi là đồng trục hay vòng tròn xoáy tròn ốc). Cụ thể là : kiến thức và kĩ năng của lớp trên, bậc học trên bao hàm kiến thức và kĩ năng của lớp dưới, bậc học dưới, nhưng cao hơn, sâu hơn kiến thức và kĩ năng của lớp dưới, bậc học dưới.

Dĩ nhiên, trong tích hợp vẫn có điểm nhấn. Không nắm được điểm nhấn này, giáo viên (GV) dễ hiểu lệch yêu cầu tích hợp, dẫn tới chỗ sa đà ; ví dụ biến giờ

tập đọc thành giờ dạy đạo đức, thậm chí giờ dạy toán hay gấp hình, xé giấy... Để nắm vững trọng tâm của mỗi tiết học, bài học, GV nên đọc kỹ phần *Mục đích, yêu cầu* của mỗi tiết, mỗi bài nêu trong sách giáo viên (SGV).

3. Quan điểm tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới chương trình và SGK lần này là đổi mới phương pháp dạy và học : chuyển từ phương pháp truyền thụ sang phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó cô giáo (thầy giáo) đóng vai trò người tổ chức hoạt động của HS ; mỗi HS đều được hoạt động, mỗi HS đều được bộc lộ mình và được phát triển.

Thể theo phương pháp tích cực hoá hoạt động học tập của HS, SGK *Tiếng Việt 4* không trình bày kiến thức như là những kết quả có sẵn mà xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động nhằm chiếm lĩnh kiến thức và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt ; SGK *Tiếng Việt 4* hướng dẫn cô giáo (thầy giáo) cách thức cụ thể để tổ chức các hoạt động này.

III – NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA "TIẾNG VIỆT 4"

1. Các đơn vị học

SGK *Tiếng Việt 4* (hai tập) gồm 10 đơn vị học, mỗi đơn vị ứng với một chủ điểm, học trong 3 tuần (trừ chủ điểm *Tiếng sáo diều* ở tập một học trong 4 tuần).

Nếu như ở các lớp dưới, chủ điểm học tập xoay quanh những lĩnh vực rất gần gũi với HS như gia đình, trường học, thiên nhiên và xã hội thì ở lớp 4, chủ điểm là những vấn đề về đời sống tinh thần của con người như tính cách, đạo đức, năng lực, sở thích,... cụ thể như sau :

Tập một gồm 5 chủ điểm, học trong 18 tuần :

- *Thương người như thể thương thân* (lòng nhân ái) (tuần 1, 2, 3)
- *Măng mọc thẳng* (tính trung thực, lòng tự trọng) (tuần 4, 5, 6)
- *Trên đôi cánh ước mơ* (ước mơ) (tuần 7, 8, 9)
- *Có chí thì nên* (nghị lực) (tuần 11, 12, 13)
- *Tiếng sáo diều* (vui chơi) (tuần 14, 15, 16, 17)

Tuần 10 dùng để ôn tập giữa học kì I ; tuần 18 – ôn tập cuối học kì I.

Tập hai gồm 5 chủ điểm, học trong 17 tuần :

- *Người ta là hoa đất* (năng lực, tài trí) (tuần 19, 20, 21)
- *Vẻ đẹp muôn màu* (óc thẩm mỹ) (tuần 22, 23, 24)
- *Những người quả cảm* (lòng dũng cảm) (tuần 25, 26, 27)
- *Khám phá thế giới* (du lịch, thám hiểm) (tuần 29, 30, 31)
- *Tình yêu cuộc sống* (lạc quan, yêu đời) (tuần 32, 33, 34)

Tuần 28 dùng để ôn tập giữa học kì II ; tuần 35 – ôn tập cuối học kì II.

2. Các phân môn

– Phân môn **Tập đọc** rèn cho HS các kĩ năng đọc, nghe và nói. Cũng như ở các lớp dưới, thông qua hệ thống bài đọc theo chủ điểm và những câu hỏi tìm hiểu bài, phân môn Tập đọc cung cấp cho HS những hiểu biết về thiên nhiên, xã hội và con người, cung cấp vốn từ, tăng cường khả năng diễn đạt, trang bị một số hiểu biết ban đầu về tác phẩm văn học (như đề tài, cốt truyện, nhân vật,...) và góp phần rèn luyện nhân cách cho HS. Tuy nhiên, các bài tập đọc ở lớp 4 có số lượng từ nhiều hơn, việc luyện đọc bắt đầu chú ý đến yêu cầu biểu cảm, câu hỏi tìm hiểu bài chú trọng khai thác hàm ý và nghệ thuật biểu hiện cũng nhiều hơn...

– Phân môn **Chính tả** rèn các kĩ năng viết, nghe và đọc. Nhiệm vụ của HS là làm các bài tập chính tả đoạn – bài (nghe – viết hoặc nhớ – viết một đoạn văn hay bài văn ngắn) và làm bài tập chính tả âm – vần. Bên cạnh tác dụng rèn kĩ năng viết, nghe và đọc, các bài tập chính tả còn cung cấp cho HS vốn từ, vốn hiểu biết về các mảng khác nhau của đời sống. Ở lớp 4 không còn hình thức chính tả tập chép (nhìn – viết); các bài tập chính tả âm – vần cũng có yêu cầu cao hơn.

– Phân môn **Luyện từ và câu** cung cấp những kiến thức sơ giản về tiếng Việt và rèn luyện kĩ năng dùng từ, đặt câu (nói, viết), kĩ năng đọc cho HS. Khác với các lớp dưới, ở lớp 4 bắt đầu có những tiết học dành riêng để trang bị kiến thức cho HS.

– Phân môn **Kể chuyện** rèn các kĩ năng nói, nghe và đọc. Trong giờ Kể chuyện ở lớp 4, HS không kể lại những câu chuyện vừa được học trong bài tập đọc như ở lớp 2, lớp 3 nữa mà tập kể những câu chuyện được nghe GV kể trên lớp hoặc được nghe, được đọc, được chứng kiến hoặc tham gia trong đời sống hàng ngày phù hợp với chủ điểm mà các em đang học.

– Phân môn **Tập làm văn** rèn cả 4 kĩ năng nghe, nói, viết và đọc. HS lớp 4 được dạy các kĩ năng kể chuyện và miêu tả đồ vật, cây cối, con vật. Bên cạnh đó, các em còn được rèn kĩ năng thuyết trình, trao đổi và nâng cao các kĩ năng viết thư, điền vào giấy tờ in sẵn đã được hình thành từ các lớp dưới.

3. Phân bố thời gian học trong một tuần

| | | |
|-------------------|---|--------|
| – Tập đọc | : | 1 tiết |
| – Chính tả | : | 1 tiết |
| – Luyện từ và câu | : | 1 tiết |
| – Kể chuyện | : | 1 tiết |
| – Tập đọc | : | 1 tiết |
| – Tập làm văn | : | 1 tiết |
| – Luyện từ và câu | : | 1 tiết |
| – Tập làm văn | : | 1 tiết |

IV – PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC MÔN TIẾNG VIỆT Ở LỚP 4

1. Bản chất của phương pháp dạy – học mới

Nội dung và phương pháp dạy – học bao giờ cũng gắn bó với nhau. Mỗi nội dung đòi hỏi một phương pháp thích hợp. Các kỹ năng giao tiếp không thể được hình thành và phát triển bằng con đường truyền giảng thụ động. Muốn phát triển những kỹ năng này, HS phải được hoạt động trong môi trường giao tiếp dưới sự hướng dẫn của cô giáo (thầy giáo). Các kiến thức về ngôn ngữ, văn học, văn hoá, tự nhiên và xã hội có thể được tiếp thu qua lời giảng, nhưng HS chỉ làm chủ được những kiến thức này khi các em chiếm lĩnh chúng bằng chính hoạt động có ý thức của mình. Cũng như vậy, những tư tưởng, tình cảm và nhân cách tốt đẹp chỉ có thể được hình thành chắc chắn thông qua sự rèn luyện trong thực tế. Đó là những lý do lý giải cho sự ra đời của phương pháp dạy học mới – phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học.

Tích cực hoá hoạt động của người học được hiểu là phương pháp dạy – học lấy người học làm trung tâm, trong đó cô giáo (thầy giáo) đóng vai trò người tổ chức hoạt động của HS ; mỗi HS đều được hoạt động, mỗi HS đều được bộc lộ mình và được phát triển.

2. Hoạt động của học sinh trong giờ học môn Tiếng Việt theo phương pháp dạy – học mới

Trong giờ học môn Tiếng Việt, hoạt động của HS có thể là :

- Hoạt động giao tiếp (đặc thù của môn Tiếng Việt).
- Hoạt động phân tích, tổng hợp, thực hành lí thuyết (như ở các môn học khác).

Cả hai loại hoạt động trên có thể được tổ chức theo nhiều hình thức khác nhau :

- + Làm việc độc lập.
- + Làm việc theo nhóm.
- + Làm việc theo lớp.

Trong phần lớn các trường hợp, nhất là trong trường hợp câu hỏi, bài tập đề ra đã rất cụ thể, HS được tổ chức làm việc độc lập. Trường hợp câu hỏi, bài tập tương đối trừu tượng hoặc đòi hỏi một sự khái quát nhất định, và nếu làm việc chung theo đơn vị lớp sẽ có ít HS được hoạt động thì làm việc theo nhóm là giải pháp tốt nhất. Hình thức làm việc chung theo đơn vị lớp được áp dụng chủ yếu khi GV thực hiện các khâu giới thiệu bài, củng cố bài, nêu những câu hỏi không yêu cầu phải suy nghĩ lâu hoặc để HS trình bày kết quả làm việc.

3. Hoạt động của giáo viên trong giờ học theo phương pháp dạy – học mới

Về phần GV, các hoạt động chủ yếu là :

a) Giao việc cho HS

- Cho HS trình bày yêu cầu của câu hỏi.

- Cho HS làm mẫu một phần.
- Tóm tắt nhiệm vụ, dặn dò HS.

b) Kiểm tra HS

- Xem HS có làm việc không.
- Xem HS có hiểu việc phải làm không.
- Trả lời thắc mắc của HS.

c) Tổ chức báo cáo kết quả làm việc

- Các hình thức báo cáo :
 - + Báo cáo trực tiếp với GV.
 - + Báo cáo trong nhóm.
 - + Báo cáo trước lớp.
- Các biện pháp báo cáo :
 - + Bằng miệng / bằng bảng con / bằng bảng lớp / bằng phiếu học tập / bằng giấy.
 - + Thi đua giữa các nhóm / trình bày cá nhân.

d) Tổ chức đánh giá

- Các hình thức đánh giá :
 - + Tự đánh giá.
 - + Đánh giá trong nhóm.
 - + Đánh giá trước lớp.
- Các biện pháp đánh giá :
 - + Khen, chê (định tính).
 - + Cho điểm (định lượng).

V – HƯỚNG DẪN DẠY CÁC PHẦN MÔN TRONG SÁCH GIÁO KHOA "TIẾNG VIỆT 4"

DẠY TẬP ĐỌC

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Phân môn Tập đọc giúp HS :

1. Củng cố, phát triển kỹ năng đọc trơn, đọc thầm đã được hình thành ở các lớp 1, 2, 3 ; tăng cường tốc độ đọc, biết đọc lướt để chọn thông tin nhanh ; bước đầu biết đọc diễn cảm.

2. Phát triển kỹ năng đọc – hiểu lên mức cao hơn : nắm và vận dụng được một số khái niệm như đề tài, cốt truyện, nhân vật, tính cách,... để hiểu ý nghĩa của bài và phát hiện một vài giá trị nghệ thuật trong các bài văn, thơ (yêu cầu trọng tâm).

3. Mở rộng vốn hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người để góp phần hình thành nhân cách của con người mới.

B – NỘI DUNG DẠY – HỌC

1. Củng cố, nâng cao kĩ năng đọc cho HS

Thông qua 62 bài tập đọc thuộc các loại hình văn bản nghệ thuật, báo chí, khoa học, trong đó có 45 bài văn xuôi, 1 vở kịch, 17 bài thơ (có 2 bài thơ ngắn được dạy trong cùng một tiết), phân môn Tập đọc ở lớp 4 tiếp tục củng cố, nâng cao kĩ năng đọc trơn, đọc thầm đã được hình thành, phát triển từ các lớp dưới, đồng thời rèn luyện một kĩ năng mới là đọc diễn cảm.

Qua phần hướng dẫn sơ phạm cuối mỗi bài tập đọc (bao gồm các mục giải nghĩa từ, câu hỏi và bài tập tìm hiểu, phân tích bài), phân môn Tập đọc còn giúp HS nâng cao kĩ năng đọc – hiểu văn bản, cụ thể là :

- Nhận biết đề tài, cấu trúc của bài.
- Biết cách tóm tắt bài, làm quen với thao tác đọc lướt để nắm ý.
- Phát hiện giá trị của một số biện pháp nghệ thuật trong các văn bản văn chương.

Cùng với các phân môn Kể chuyện, Tập làm văn, phân môn Tập đọc còn xây dựng cho HS thói quen tìm đọc sách ở thư viện, dùng sách công cụ (từ điển, sổ tay từ ngữ, ngữ pháp) và ghi chép những thông tin cần thiết khi đọc.

2. Mở rộng vốn hiểu biết, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, nhân cách cho HS

Nội dung các bài tập đọc trong SGK *Tiếng Việt 4* phản ánh một số vấn đề cơ bản về đạo đức, phẩm chất, sở thích, thú vui lành mạnh... của con người thông qua ngôn ngữ văn học và những hình tượng giàu chất thẩm mỹ và nhân văn, do đó có tác dụng mở rộng tầm hiểu biết, tầm nhìn về tự nhiên, xã hội và đời sống, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm và nhân cách cho HS.

C – CÁC BIỆN PHÁP DẠY – HỌC

1. Hướng dẫn đọc

a) Đọc thành tiếng

GV có thể hướng dẫn HS đọc thành tiếng bằng các biện pháp sau :

- Đọc mẫu : Việc đọc mẫu ở các lớp dưới thường do GV đảm nhận. Đến lớp 4, kĩ năng đọc của HS đã được nâng cao, nhiều HS có thể đạt tới trình độ chuẩn trong những trường hợp nhất định. Do vậy, tùy trường hợp cụ thể, GV có thể chỉ định một số HS khá, giỏi đọc làm mẫu trước. GV chỉ nên đọc mẫu toàn bài khi cả lớp đã hoàn thành các bước luyện đọc trơn, trước khi tìm hiểu bài và chuyển sang bước luyện đọc diễn cảm. Các hình thức đọc mẫu bao gồm :

- + Đọc từ, cụm từ nhằm hướng dẫn cách phát âm đúng, sửa cách phát âm sai.
- + Đọc câu, đoạn, bài nhằm hướng dẫn cách đọc diễn cảm.

– Dùng lời nói kết hợp chữ viết, kí hiệu và đồ dùng dạy học, hướng dẫn HS cách nghỉ hơi, tốc độ đọc, giọng đọc thích hợp.

– Tổ chức cho HS đọc cá nhân (đọc trong nhóm, đọc trước lớp), đọc đồng thanh (cả nhóm, cả tổ, cả lớp) ; nhận xét cách đọc của HS, sửa lỗi phát âm hoặc lỗi thể hiện nội dung qua giọng đọc cho HS. Ở lớp 4, nên hạn chế dần số lần đọc đồng thanh và tăng cường hình thức đọc cá nhân.

b) Đọc thầm

Các biện pháp có thể áp dụng là :

– Giao nhiệm vụ để định hướng rõ yêu cầu đọc thầm cho HS (đọc câu nào, đoạn nào ; đọc để trả lời câu hỏi hay để ghi nhớ, thuộc lòng ; đọc để trả lời câu hỏi nào...).

– Giới hạn thời gian để tăng dần tốc độ đọc thầm cho HS. Cách thực hiện biện pháp này là từng bước rút ngắn thời gian đọc của HS và tăng dần độ khó của nhiệm vụ (đọc lướt để tìm từ ngữ hay chi tiết, hình ảnh nhất định trong 2 phút, 1 phút ; đọc lướt để nêu nội dung chính của đoạn, của bài trong 2 phút, 1 phút...).

2. Hướng dẫn tìm hiểu bài

a) Giúp HS hiểu nghĩa của từ ngữ mới

– Đối với những từ ngữ đã được chú thích trong SGK : GV không nhất thiết phải yêu cầu HS trình bày tất cả các từ ngữ này mà có thể chọn một số từ ngữ khó để giải thích cho rõ. Biện pháp thực hiện là tổ chức cho HS đọc thầm nội dung chú thích trong SGK rồi trình bày lại.

– Đối với những từ ngữ đã được chú thích trong SGK mà HS vẫn chưa nắm chắc nghĩa hoặc những từ ngữ khác trong bài còn khó hiểu, GV có thể hướng dẫn HS giải thích bằng các biện pháp như sau :

+ Dùng các từ cùng nghĩa, trái nghĩa hoặc từ ngữ thông dụng ở địa phương để giải thích từ ngữ đó.

+ Đặt câu với từ ngữ đó.

+ Miêu tả sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm hoặc tính chất được gọi tên bằng từ ngữ đó.

b) Giúp HS nắm vững câu hỏi (bài tập) tìm hiểu bài

Các biện pháp có thể áp dụng là :

– Cho HS đọc thầm câu hỏi (bài tập) rồi trình bày lại yêu cầu của câu hỏi (bài tập) đó.

– GV giải thích thêm cho rõ yêu cầu của câu hỏi (bài tập).

– Tách câu hỏi, bài tập trong SGK thành một số câu hỏi (bài tập) nhỏ hoặc bổ sung câu hỏi phụ để HS dễ thực hiện. Chú ý tránh đặt thêm những câu hỏi không phù hợp với chủ điểm học tập hoặc vượt quá khả năng nhận thức của HS.

– Tổ chức cho HS trả lời hay thực hiện làm mẫu một phần của câu hỏi (bài tập) để cả lớp nắm được yêu cầu của câu hỏi (bài tập) đó.

c) *Tổ chức cho HS trả lời câu hỏi (thực hiện bài tập) tìm hiểu bài*

Các biện pháp có thể áp dụng là :

– Tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, theo nhóm để trả lời câu hỏi hoặc thực hiện bài tập.

– Tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng nhiều hình thức khác nhau.

– Trao đổi với HS, sửa lỗi cho HS hoặc tổ chức để HS giải đáp thắc mắc cho nhau, góp ý cho nhau, đánh giá cho nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu bài.

– Sơ kết, tổng kết ý kiến HS ; ghi bảng nếu cần thiết.

3. Ghi bảng

a) *Yêu cầu chung*

Việc ghi bảng cần đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm và tính thẩm mỹ, cụ thể là :

– Nội dung ghi bảng phải ngắn gọn, chính xác.

– Hình thức ghi bảng phải đẹp.

– Tiến trình ghi bảng phải kết hợp nhịp nhàng với tiến trình dạy học.

b) *Các mô hình trình bày bảng*

Thứ ngày tháng năm (Ghi chung cho buổi học)

Mô hình 1

TẬP ĐỌC

TÊN BÀI

Luyện đọc

Ghi những từ ngữ, câu, đoạn văn ngắn hoặc khổ thơ cần luyện đọc ; những lưu ý về cách đọc diễn cảm

Ghi chú

– Cột *Luyện đọc* có thể tách thành 2 hàng : a) Đọc đúng ; b) Đọc hay (đọc diễn cảm).

– Cột *Tìm hiểu bài* cũng có thể tách thành 2 hàng : a) Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết ; b) Ý chính (Có thể cho HS ghi vở).

Tìm hiểu bài

Ghi từ ngữ, hình ảnh, chi tiết nổi bật, ý chính của đoạn văn, khổ thơ hay của cả bài. Có thể cho HS ghi vở.

Mô hình 2

TẬP ĐỌC

TÊN BÀI

Phần ghi để lưu giữ

1. *Luyện đọc*

2. *Tìm hiểu bài*

– Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, nhân vật nổi bật.

– Ý nổi bật cần khắc sâu.

3. *Đọc diễn cảm*

Câu, đoạn văn ngắn, khổ thơ cần hướng dẫn cách đọc ; những lưu ý về cách đọc.

Phần ghi có thể xoá đi

– Từ ngữ cần luyện đọc.

– Thông tin xuất hiện trong giờ dạy.

– Bài tập HS làm trên bảng lớp.

D – QUY TRÌNH DẠY – HỌC

1. Kiểm tra bài cũ

GV cho 2 – 3 HS đọc thành tiếng hoặc đọc thuộc lòng bài tập đọc (TĐ) hoặc bài học thuộc lòng (HTL) trước đó, sau đó đặt một số câu hỏi về nội dung bài TĐ (hoặc HTL) để kiểm tra kĩ năng đọc – hiểu.

2. Dạy bài mới

a) *Giới thiệu bài*

– Nhiệm vụ của hoạt động giới thiệu bài là nêu nhiệm vụ cần thực hiện trong tiết học (học bài gì, cần chú ý những gì về cách đọc, cách tìm hiểu bài...) và gây hứng thú học tập cho HS. Riêng đối với bài tập đọc mở đầu một chủ điểm mới, trước hết, GV cần giới thiệu vài nét chính về chủ điểm.

– Có thể có nhiều cách giới thiệu bài. Ví dụ (VD) : Gọi mở bằng câu hỏi hoặc bằng tranh ảnh, băng hình, vật thật (nếu cần thiết) hay diễn giảng bằng lời. Tuy nhiên, dù theo cách nào, phần giới thiệu bài cũng cần ngắn gọn, không làm mất thời gian luyện đọc và tìm hiểu bài.

b) *Hướng dẫn luyện đọc và tìm hiểu bài*

– Luyện đọc

+ HS đọc thành tiếng từng đoạn văn (khổ thơ) :

• Đọc tiếp nối nhau trước lớp : mỗi HS đọc một đoạn theo trình tự các đoạn trong bài (lặp lại nhiều vòng, sao cho mỗi HS trong lớp đều được đọc ít nhất một đoạn).

• Đọc theo cặp hoặc đọc trong nhóm : mỗi HS đọc một đoạn theo trình tự các đoạn trong bài (lặp lại nhiều vòng, sao cho mỗi HS đều được đọc tất cả các đoạn trong bài).

- Một, hai HS đọc lại toàn bài.
- + GV đọc mẫu toàn bài.
- Tìm hiểu bài
 - GV hướng dẫn HS đọc và trả lời từng câu hỏi trong SGK (hoặc các câu hỏi được chia tách, bổ sung của GV) theo các hình thức dạy học thích hợp.
 - Đọc diễn cảm (với văn bản nghệ thuật) hoặc luyện đọc lại (với các văn bản phi nghệ thuật)
 - + Hướng dẫn HS đọc từng đoạn văn (khổ thơ) :
 - Một số HS đọc : mỗi em đọc một đoạn theo trình tự các đoạn trong bài.
 - GV hướng dẫn, điều chỉnh cách đọc cho các em sau mỗi đoạn.
 - + Hướng dẫn kĩ cách đọc một đoạn văn (khổ thơ) :
 - GV dùng lời nói hoặc lời nói kết hợp ghi bảng, sử dụng đồ dùng dạy học để hướng dẫn HS cách đọc.
 - HS đọc đoạn văn (thơ) đã được GV hướng dẫn cách đọc.
 - GV sửa lỗi cho các em.
 - + HS thi đọc diễn cảm trước lớp.
 - Học thuộc lòng đối với những bài có yêu cầu thuộc lòng
 - + HS tự nhắm HTL các khổ thơ, bài thơ hay đoạn văn theo chỉ định trong SGK. Đối với những lớp yếu, GV có thể áp dụng một số biện pháp giúp HS học thuộc lòng như ở lớp 3. VD : Xoá dần các chữ trong mỗi dòng, mỗi câu, mỗi khổ thơ hay ngược lại, chỉ viết chữ đầu, chữ cuối của mỗi dòng, mỗi câu, mỗi khổ thơ...
 - + GV tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng các khổ thơ, bài thơ hay đoạn văn vừa học thuộc.

c) *Củng cố, dặn dò*

- Hướng dẫn HS chốt lại nội dung chính hoặc ý nghĩa của bài tập đọc.
- Nêu nhận xét về tiết học.
- Nêu yêu cầu tiếp tục luyện tập và chuẩn bị cho bài sau.

Chú ý

- Tùy theo nội dung, cấu tạo của từng bài tập đọc và trình độ của lớp, GV có thể dạy tập đọc theo cách "bổ đọc" như đã hướng dẫn hoặc cách "bổ ngang" : luyện đọc, tìm hiểu bài và hướng dẫn *đọc diễn cảm (luyện đọc lại)* theo từng đoạn văn (khổ thơ).
- Việc hướng dẫn *đọc diễn cảm* hoặc *luyện đọc lại* cần được vận dụng một cách linh hoạt. Tùy trường hợp, GV có thể áp dụng các biện pháp khác nhau như đọc truyện theo vai, thi đọc tốt một đoạn văn (khổ thơ) hoặc cả bài, tổ chức trò chơi học tập có tác dụng luyện đọc...

– Mỗi đoạn văn (khổ thơ) có thể được đọc với nhiều cách khác nhau. GV chỉ sửa những cách đọc không phù hợp với nội dung của đoạn, tránh áp đặt, hạn chế sự cảm thụ và sáng tạo của HS.

DẠY CHÍNH TẢ

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Phân môn Chính tả giúp HS :

1. Rèn luyện kỹ năng viết chính tả và kỹ năng nghe cho HS.
2. Kết hợp rèn luyện một số kỹ năng sử dụng tiếng Việt và phát triển tư duy cho HS.
3. Mở rộng hiểu biết về cuộc sống, con người, góp phần hình thành nhân cách con người mới.

B – NỘI DUNG DẠY – HỌC

1. Rèn luyện kỹ năng viết chính tả và kỹ năng nghe

a) Chính tả đoạn, bài

– Nghe – viết, nhớ – viết một đoạn trích từ bài tập đọc hoặc từ các văn bản khác có nội dung phù hợp với chủ điểm học tập của mỗi tuần, có độ dài khoảng 80 – 90 chữ (tiếng).

– HS cần viết chữ đúng mẫu, đúng chính tả, không mắc quá 5 lỗi / 1 bài, đạt tốc độ viết trung bình 90 chữ / 15 phút.

b) Chính tả âm, vần

– Nội dung các bài tập chính tả âm, vần là luyện viết đúng các từ có âm, vần, thanh dễ viết sai chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. Các cặp âm, vần, thanh dễ lẫn được luyện viết gồm :

+ Phụ âm đầu (dành cho HS phương ngữ Bắc Bộ) : *l/n, tr/ch, s/x, r/d/gi.*

+ Vần (dành cho HS các phương ngữ Nam Trung Bộ, Nam Bộ) : *an/lang, ănl/ăng, ân/lâng, en/leng, uôn/uông, uôn/ương, iên/liêng ; ăt/ăc, ăt/âc, uôt/uộc, ut/luc, ut/luc, utot/uộc, iết/iêc ; ên/ênh, êt/êch ; im/liêm, iu/liêu ; o/ô.*

+ Thanh (dành cho HS các phương ngữ Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ) : *thanh hỏi / thanh ngã.*

– Về hình thức, các âm, vần, thanh dễ lẫn được luyện viết thông qua những kiểu bài tập như sau (7 kiểu bài tập đầu, HS đã làm quen từ các lớp dưới ; còn 6 kiểu sau, HS lần đầu tiên được làm quen ở lớp 4) :

+ Điền âm, vần vào chỗ trống hoặc đặt dấu thanh trên chữ chưa có dấu thanh trong câu, đoạn văn hoặc bài văn.

+ Điền tiếng vào chỗ trống (ô trống) trong câu, đoạn văn hoặc bài văn.

- + Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh đoạn văn, bài văn.
- + Tìm tiếng có nghĩa trong bảng kết hợp phụ âm đầu – vần.
- + Đặt câu để phân biệt các từ có hình thức chính tả dễ lẫn.
- + Giải câu đố để phân biệt các từ có hình thức chính tả dễ lẫn.
- + Tìm từ phù hợp với hình thức chính tả và nghĩa đã cho.
- + Tìm từ láy phù hợp với mô hình cấu tạo đã cho.
- + Tìm từ phù hợp với hình thức chính tả và từ loại đã cho.
- + Tìm những trường hợp chỉ có một hình thức chính tả duy nhất.
- + Phân biệt các chữ viết đúng chính tả với các chữ viết sai chính tả.
- + Chữa lỗi chính tả đã cho trong SGK hoặc có trong bài làm của bản thân.
- + Ghi vào sổ tay chính tả các lỗi chính tả thường mắc và cách sửa những lỗi ấy.

2. Rèn luyện một số kĩ năng sử dụng tiếng Việt và phát triển tư duy

Thông qua các bài tập chính tả, rèn luyện cách phát âm, củng cố nghĩa từ, trau dồi về ngữ pháp tiếng Việt, góp phần phát triển một số thao tác tư duy cơ bản như so sánh, liên tưởng, ghi nhớ...

3. Mở rộng hiểu biết, góp phần hình thành nhân cách con người mới

– Thông qua nội dung các bài tập chính tả, mở rộng vốn hiểu biết về cuộc sống, con người cho HS.

– Thông qua cách tổ chức thực hiện các bài tập chính tả, bồi dưỡng cho HS một số đức tính và thái độ cần thiết trong công việc như : cẩn thận, chính xác, có óc thẩm mĩ, lòng tự trọng và tinh thần trách nhiệm...

C – CÁC BIỆN PHÁP DẠY – HỌC

1. Hướng dẫn HS viết chính tả đoạn, bài

Để hướng dẫn HS viết chính tả đoạn, bài có kết quả, GV áp dụng một số biện pháp như sau :

- a) Giúp HS nắm được hoặc nhớ lại được nội dung đoạn, bài cần viết.
- b) Giúp HS nhận xét về các hiện tượng chính tả đáng chú ý trong bài và tập viết trước những trường hợp dễ viết sai.
- c) Tổ chức cho HS viết bài theo đúng tốc độ quy định.
- d) Chấm, chữa bài viết cho HS.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả âm, vần

GV áp dụng một số biện pháp như sau :

- a) *Giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập*

– Cho HS đọc thầm rồi trình bày lại yêu cầu của bài tập.

- GV giải thích thêm cho rõ yêu cầu của bài tập.
- Tổ chức cho HS thực hiện làm mẫu một phần của bài tập để cả lớp nắm được yêu cầu của bài tập đó.

b) Tổ chức cho HS thực hiện bài tập

- Tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, theo nhóm để thực hiện bài tập.
- Tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng nhiều hình thức khác nhau.
- Trao đổi với HS, sửa lỗi cho HS hoặc tổ chức để HS góp ý cho nhau, đánh giá cho nhau trong quá trình làm bài.
- Sơ kết, tổng kết ý kiến HS ; ghi bảng nếu cần thiết.

D – QUY TRÌNH DẠY – HỌC

1. Kiểm tra bài cũ

HS nghe – viết một số từ ngữ đã được luyện tập ở bài chính tả trước (hoặc GV nhận xét kết quả bài chính tả tiết trước chấm ở nhà).

2. Dạy bài mới

a) Giới thiệu bài : Nêu yêu cầu của các bài tập chính tả.

b) Hướng dẫn HS viết chính tả

– Chính tả nghe – viết :

+ Đọc toàn bài một lượt cho HS nghe trước khi viết. Khi đọc, GV cần phát âm rõ ràng, tốc độ vừa phải, tạo điều kiện cho HS chú ý đến những hiện tượng chính tả cần viết đúng.

+ Hướng dẫn HS nhận xét về các hiện tượng chính tả cần chú ý trong bài.

+ Tổ chức cho HS tập viết trước (vào bảng con hoặc giấy nháp) những từ ngữ dễ viết sai chính tả.

+ Đọc cho HS nghe – viết từng câu hay từng cụm từ. Mỗi câu hoặc cụm từ được đọc 2 lần : đọc lướt đầu chậm rãi cho HS nghe, đọc nhắc lại lần hai cho HS kịp viết theo tốc độ viết quy định ở lớp 4 (được cụ thể hoá cho từng giai đoạn).

+ Đọc toàn bài lần cuối cho HS soát lại.

– Chính tả nhớ – viết :

+ Tổ chức cho HS ôn lại đoạn, bài cần viết trước khi viết : 1 – 2 HS đọc thuộc lòng trước lớp ; các HS khác nhắm theo.

+ Hướng dẫn HS nhận xét về các hiện tượng chính tả cần chú ý trong bài.

+ Tổ chức cho HS tập viết trước (vào bảng con hoặc giấy nháp) những từ ngữ dễ viết sai chính tả.

+ Tổ chức cho HS viết theo tốc độ viết quy định ở lớp 4 (được cụ thể hoá cho từng giai đoạn).

c) Chấm và chữa bài chính tả

– Mỗi giờ Chính tả, GV chọn chấm một số bài của HS. Đối tượng được chọn chấm bài ở mỗi giờ là :

- + Những HS đến lượt được chấm bài.
- + Những HS hay mắc lỗi, cần được chú ý rèn cặp thường xuyên.

Qua chấm bài, GV có điều kiện rút ra nhận xét và nêu hướng khắc phục lỗi chính tả cho cả lớp.

– Sau khi chấm bài xong cho một số HS, GV giúp cả lớp tự kiểm tra bài và chữa lỗi theo một trong những cách dưới đây :

- + GV viết toàn bộ bài chính tả trên bảng. (Bài có thể được chuẩn bị sẵn trên bảng gập, bảng quay hoặc bảng phụ úp mặt vào tường.)
- + HS tự rà soát bài của mình, sau đó đổi vở cho nhau để giúp nhau rà soát bài.
- + GV đọc từng câu, có chỉ dẫn cách viết những chữ dễ sai chính tả. HS rà soát bài làm của mình một lần nữa theo chỉ dẫn của GV.

d) Hướng dẫn HS làm bài tập chính tả âm, vần

– Các loại bài tập chính tả âm, vần :

+ Bài tập lựa chọn cho từng vùng phương ngữ : Nội dung các bài tập này là luyện viết phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. VD : *l/n, ch/tr, s/x,...* (đối với HS phương ngữ Bắc Bộ), *ang/an, ă/ăt...* (đối với HS các phương ngữ Nam Trung Bộ, Nam Bộ), *thanh hỏi / thanh ngã* (đối với HS các phương ngữ Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ).

Trong SGK, số hiệu của các bài tập lựa chọn được đặt trong ngoặc đơn. VD : (3). Mỗi bài tập lựa chọn bao gồm 1, 2 hoặc 3 bài tập nhỏ (kí hiệu là a, b, c), mỗi bài tập nhỏ dành cho một vùng phương ngữ. GV căn cứ vào đặc điểm phát âm và thực tế viết chính tả của người địa phương mình dạy mà chọn bài tập nhỏ thích hợp cho HS.

+ Bài tập bắt buộc : Số lượng bài tập chính tả âm, vần bắt buộc ở lớp 4 không nhiều. Đây thường là một số bài tập chữa lỗi chính tả.

– Cách hướng dẫn HS làm bài tập chính tả âm, vần :

- + Giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập.
- + Giúp HS chữa một phần của bài tập làm mẫu.
- + Tổ chức cho HS làm bài và báo cáo kết quả.
- + Chữa bài.

e) Củng cố, dặn dò.

GV nhận xét tiết học, lưu ý những trường hợp dễ viết sai chính tả trong bài và nêu yêu cầu luyện tập ở nhà.

DẠY LUYỆN TỪ VÀ CÂU

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Phân môn Luyện từ và câu giúp HS :

1. Mở rộng, hệ thống hoá vốn từ và trang bị cho HS một số hiểu biết sơ giản về từ và câu.
2. Rèn luyện cho HS các kĩ năng dùng từ đặt câu và sử dụng các dấu câu.
3. Bồi dưỡng cho HS thói quen dùng từ đúng, nói và viết thành câu ; có ý thức sử dụng tiếng Việt văn hoá trong giao tiếp.

B – NỘI DUNG DẠY – HỌC

1. Mở rộng và hệ thống hoá vốn từ

Từ ngữ được mở rộng và hệ thống hoá trong phân môn Luyện từ và câu ở lớp 4 bao gồm các từ thuần Việt, Hán Việt, thành ngữ và tục ngữ phù hợp với chủ điểm học tập của từng đơn vị học : *Nhân hậu – Đoàn kết, Trung thực – Tự trọng, Ước mơ, Ý chí – Nghị lực, Đồ chơi – Trò chơi, Tài năng, Sức khoẻ, Cái đẹp, Dũng cảm, Du lịch – Thám hiểm, Lạc quan – Yêu đời.*

2. Trang bị các kiến thức sơ giản về từ, rèn luyện kĩ năng dùng từ

a) Nội dung kiến thức

- Cấu tạo tiếng
- Cấu tạo từ :
 - + Từ đơn và từ phức.
 - + Từ ghép và từ láy.
- Từ loại :
 - + Danh từ
 - Danh từ là gì ?
 - Danh từ chung và danh từ riêng.
 - Cách viết hoa danh từ riêng.
 - + Động từ
 - Động từ là gì ?
 - Cách thể hiện ý nghĩa thời gian của hoạt động.
 - + Tính từ
 - Tính từ là gì ?
 - Cách thể hiện ý nghĩa mức độ của đặc điểm, tính chất.

b) Các loại bài học

- Dạy lí thuyết :

Các bài học về cấu tạo tiếng, cấu tạo từ và từ loại đều gồm ba phần : *Nhận xét, Ghi nhớ, Luyện tập.*

+ *Nhận xét* là phần cung cấp ngữ liệu và nêu câu hỏi (bài tập) gợi ý cho HS phân tích nhằm rút ra kiến thức lí thuyết. Theo quan điểm tích hợp, ngữ liệu thường được rút ra từ những bài tập đọc mà HS đã học. Các ngữ liệu đều mang tính điển hình cao và có số lượng chữ hạn chế để đảm bảo tính hiệu quả của việc phân tích và tránh làm mất thời gian học tập.

+ *Ghi nhớ* là phần chốt lại những điểm chính yếu về kiến thức được rút ra từ việc phân tích ngữ liệu. HS cần nắm vững những kiến thức này.

+ *Luyện tập* là phần bài tập nhằm củng cố và vận dụng kiến thức đã học, gồm một số kiểu bài tập như sau :

- Nhận biết các bộ phận cấu tạo của tiếng.
- Giải các câu đố chữ liên quan đến cấu tạo tiếng.
- Nhận biết các kiểu cấu tạo từ.
- Nhận biết các từ loại.
- Đặt câu với những từ đã cho.

– Hướng dẫn thực hành

Các bài học mở rộng và hệ thống hoá vốn từ đều được thể hiện dưới hình thức bài tập thực hành. Những kiểu bài tập thực hành chủ yếu là :

- + Tìm từ ngữ theo nghĩa và hình thức cấu tạo đã cho.
- + Xác định nghĩa của từ và các yếu tố cấu tạo từ.
- + Xác định nghĩa của thành ngữ, tục ngữ.
- + Phân loại từ ngữ và các yếu tố cấu tạo từ.
- + Đặt câu với từ ngữ đã cho.
- + Xác định tình huống sử dụng thành ngữ, tục ngữ.

3. Trang bị các kiến thức sơ giản về câu, rèn luyện kĩ năng đặt câu và sử dụng dấu câu

a) Nội dung kiến thức

– Các kiểu câu :

- + Câu hỏi
 - Câu hỏi là gì ?
 - Dùng câu hỏi vào mục đích khác.
 - Giữ phép lịch sự khi hỏi.
- + Câu kể
 - Câu kể là gì ?
 - Cách dùng câu kể.

- Câu kể *Ai là gì ?* Chủ ngữ và vị ngữ trong câu kể *Ai là gì ?*
- Câu kể *Ai thế nào ?* Chủ ngữ và vị ngữ trong câu kể *Ai thế nào ?*
- Câu kể *Ai làm gì ?* Chủ ngữ và vị ngữ trong câu kể *Ai làm gì ?*
- + Câu khiến
- Câu khiến là gì ?
- Cách đặt câu khiến.
- Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị.
- + Câu cảm
- Thêm trạng ngữ cho câu :
 - + Trạng ngữ là gì ?
 - + Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu.
 - + Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho câu.
 - + Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu.
 - + Thêm trạng ngữ chỉ mục đích cho câu.
 - + Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu.
- Các dấu câu :
 - + Dấu chấm hỏi
 - + Dấu chấm than
 - + Dấu hai chấm
 - + Dấu ngoặc kép
 - + Dấu ngoặc đơn

b) Cấu tạo của bài học

Các bài học về câu cũng có cấu tạo như bài học lí thuyết về từ, gồm ba phần *Nhận xét, Ghi nhớ và Luyện tập*. Phần *Luyện tập* gồm các kiểu bài tập chính như sau :

- Nhận biết các kiểu câu.
- Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu.
- Đặt câu theo mẫu.
- Nhận biết các kiểu trạng ngữ.
- Thêm các kiểu trạng ngữ cho câu.
- Nhận biết tác dụng của dấu câu.
- Điền dấu câu vào chỗ thích hợp.
- Viết đoạn văn với những dấu câu thích hợp.
- Chữa lỗi về dấu câu.
- Lựa chọn kiểu câu để đảm bảo yêu cầu giao tiếp.

4. Bồi dưỡng cho HS ý thức và thói quen sử dụng tiếng Việt văn hoá trong giao tiếp : Thông qua nội dung dạy học và cách tổ chức hoạt động trên lớp, phân môn Luyện từ và câu góp phần bồi dưỡng cho HS thói quen dùng từ đúng, nói và viết thành câu và ý thức sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp phù hợp với các chuẩn mực văn hoá.

C – CÁC BIỆN PHÁP DẠY – HỌC

1. Hướng dẫn phân tích ngữ liệu

Để hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu, GV áp dụng các biện pháp sau :

a) *Giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập*

– Cho HS đọc thầm rồi trình bày lại yêu cầu của bài tập.

– GV giải thích thêm cho rõ yêu cầu của bài tập.

– Tổ chức cho HS thực hiện làm mẫu một phần của bài tập để cả lớp nắm được yêu cầu của bài tập đó.

b) *Tổ chức cho HS thực hiện bài tập*

– Tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, theo nhóm để thực hiện bài tập.

– Tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng nhiều hình thức khác nhau.

– Trao đổi với HS, sửa lỗi cho HS hoặc tổ chức để HS góp ý cho nhau, đánh giá cho nhau trong quá trình làm bài.

– Sơ kết, tổng kết ý kiến HS ; ghi bảng nếu cần thiết.

2. Hướng dẫn luyện tập, thực hành : GV thực hiện các biện pháp như đã nêu ở mục C – 1. *Hướng dẫn phân tích ngữ liệu.*

D – QUY TRÌNH DẠY – HỌC

1. Kiểm tra bài cũ : Yêu cầu HS nêu ngắn gọn những điều đã học ở tiết trước, cho ví dụ minh hoạ hoặc giải các bài tập củng cố, vận dụng kiến thức đã học.

2. Dạy bài mới

a) *Đối với loại bài dạy lí thuyết*

– Giới thiệu bài

GV nêu yêu cầu của tiết học, chú ý làm nổi bật mối quan hệ giữa nội dung tiết học này với các tiết học khác.

– Hình thành khái niệm :

+ Phân tích ngữ liệu : GV hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu theo cách đã trình bày ở mục C – *Các biện pháp dạy – học.*

+ Ghi nhớ kiến thức : GV cho HS đọc thầm rồi nhắc lại phần *Ghi nhớ* trong SGK.

– Hướng dẫn luyện tập : GV hướng dẫn HS làm bài tập thực hành theo cách đã trình bày ở mục C – *Các biện pháp dạy – học.*

- Củng cố, dặn dò :
 - + Chốt lại những kiến thức, kĩ năng cần nắm vững.
 - + Nhận xét tiết học.
 - + Nêu yêu cầu thực hành luyện tập ở nhà.

b) Đối với loại bài thực hành

- Giới thiệu bài.
- Hướng dẫn thực hành.
- Củng cố, dặn dò.

DẠY KỂ CHUYỆN

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Phân môn Kể chuyện giúp HS :

1. Củng cố kĩ năng kể chuyện đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp 1, 2, 3, đồng thời hình thành những kĩ năng mới về kể chuyện.
2. Mở rộng hiểu biết, góp phần hình thành nhân cách con người mới.

B – NỘI DUNG DẠY – HỌC

1. Rèn luyện kĩ năng

a) Củng cố kĩ năng kể chuyện đã được hình thành ở các lớp dưới

Đây là kiểu bài tập kể chuyện ở tuần thứ nhất trong một chủ điểm học tập. Trong trường hợp này, câu chuyện (có độ dài trên dưới 500 chữ) được in trong SGK, trình bày thành tranh hoặc tranh kèm lời dẫn giải ngắn gọn trong SGK, được cô giáo (thầy giáo) kể cho HS nghe, rồi HS kể lại. Bên cạnh mục đích chung là rèn luyện kĩ năng nói cho HS, kiểu bài tập nói trên còn có mục đích rèn kĩ năng nghe cho HS.

b) Hình thành những kĩ năng mới về kể chuyện

- Kể chuyện đã nghe, đã đọc ngoài giờ kể chuyện

Đây là kiểu bài tập kể chuyện ở tuần thứ hai trong một chủ điểm học tập. Riêng với hai chủ điểm mở đầu sách là *Thương người như thể thương thân, Măng mọc thẳng* thì kiểu bài này có cả ở tuần thứ ba. Những câu chuyện này HS phải tự sưu tầm trong sách báo hoặc trong đời sống hằng ngày (nghe người thân hoặc ai đó kể). Bên cạnh mục đích chung là rèn luyện kĩ năng nói cho HS, kiểu bài tập nói trên còn có mục đích kích thích HS ham đọc sách.

Để tạo điều kiện giúp HS, nhất là HS vùng khó khăn, tìm được truyện phù hợp với chủ điểm đang học một cách dễ dàng, Nhà xuất bản Giáo dục cho in

cuốn *Truyện đọc lớp 4* (gồm những truyện đọc được tuyển chọn và sắp xếp theo 10 chủ điểm của SGK *Tiếng Việt 4*). Tuy vậy, khác với Chương trình Cải cách giáo dục 1981, sách *Truyện đọc lớp 4* không phải là SGK riêng cho phân môn Kể chuyện mà chỉ là một tài liệu tham khảo. HS không nhất thiết phải kể những câu chuyện trong sách *Truyện đọc lớp 4* mà có thể, thậm chí nên, mở rộng phạm vi tìm kiếm sang toàn bộ sách báo xuất bản trong nước, trước hết là sách báo dành cho thiếu niên, nhi đồng.

– Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia

Đây là kiểu bài tập kể chuyện ở tuần thứ ba trong một chủ điểm học tập.

Những câu chuyện này là chuyện người thật việc thật mà HS tận mắt trông thấy (trong sinh hoạt hằng ngày hay qua ti vi) hoặc chính HS là một nhân vật trong đó.

Trường hợp này đòi hỏi sự sáng tạo ở mức cao hơn : HS phải nhớ lại những câu chuyện đã được chứng kiến hoặc tham gia, rồi dựa vào cách thức xây dựng câu chuyện đã được học trong giờ Tập làm văn để sắp xếp lại các chi tiết và kể.

Bên cạnh mục đích chung là rèn luyện kĩ năng nói cho HS, kiểu bài tập nói trên còn có mục đích rèn cho HS thói quen quan sát, ghi nhớ.

Do loại bài tập này mới và khó nên nó chỉ được bắt đầu dạy từ tuần thứ 9.

2. Mở rộng hiểu biết, góp phần hình thành nhân cách con người mới

Các câu chuyện được kể ở lớp 4 có nội dung liên quan đến 10 chủ điểm học tập đã nêu ở trang 6, SGK.

Cùng với nội dung học tập ở các phân môn khác, nhất là ở các bài tập đọc, tập làm văn, những câu chuyện HS được đọc, được nghe, được kể ở lớp 4 có tác dụng rất lớn trong việc mở rộng vốn hiểu biết về cuộc sống, con người, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, nhân cách cho HS. Để phát huy đầy đủ tác dụng của phân môn Kể chuyện, GV cần chú ý tổ chức cho HS trao đổi để nắm chắc ý nghĩa câu chuyện hoặc nói lên nhận xét riêng của các em về các nhân vật, các tình tiết trong câu chuyện.

C – CÁC BIỆN PHÁP DẠY – HỌC

1. Sử dụng lời kể của GV làm chỗ dựa cho HS kể lại câu chuyện.

2. Sử dụng tranh minh hoạ (trong SGK) để gợi mở, hướng dẫn HS kể lại từng đoạn và toàn bộ câu chuyện.

3. Sử dụng câu hỏi hoặc gợi ý để hướng dẫn HS sưu tầm truyện kể phù hợp với yêu cầu của từng tiết Kể chuyện.

4. Sử dụng câu hỏi, gợi ý hoặc dàn ý để hướng dẫn HS xây dựng những câu chuyện được chứng kiến hoặc tham gia.

D – QUY TRÌNH DẠY – HỌC

1. Dạy bài nghe – kể lại câu chuyện vừa nghe trên lớp

a) *Kiểm tra bài cũ* : HS kể lại câu chuyện đã học trong tiết Kể chuyện trước đó và trả lời một số câu hỏi về nội dung câu chuyện.

b) *Dạy bài mới*

– Giới thiệu bài : GV giới thiệu câu chuyện sắp kể bằng lời hoặc bằng lời kết hợp với băng hình hoặc các đồ dùng dạy học khác để định hướng sự chú ý của HS vào bài mới và tạo hứng thú cho HS.

– HS nghe kể chuyện :

+ GV kể lần 1, HS nghe.

+ GV kể lần 2, vừa kể vừa chỉ vào tranh, HS nghe kết hợp nhìn hình minh hoạ.

– HS tập kể chuyện

+ Kể từng đoạn tiếp nối nhau trong nhóm.

+ Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm.

+ Kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

+ Nói về nhân vật chính.

+ Nói về ý nghĩa câu chuyện.

– Củng cố, dặn dò.

2. Dạy bài kể chuyện đã nghe, đã đọc ; đã chứng kiến hoặc tham gia

a) *Kiểm tra bài cũ* : HS kể lại câu chuyện đã kể trong tiết học trước đó và trả lời một số câu hỏi về nội dung câu chuyện.

b) *Dạy bài mới*

– Giới thiệu bài : GV nêu yêu cầu kể chuyện của tiết học.

– HS tìm những ví dụ phù hợp với yêu cầu của tiết học (theo gợi ý trong SGK).

– HS tập kể chuyện.

+ Kể trong nhóm.

+ Kể trước lớp.

– HS trao đổi với nhau về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

+ Nói về nhân vật chính.

+ Nói về ý nghĩa câu chuyện.

– Củng cố, dặn dò

Những điều cần chú ý khi dạy 3 kiểu bài trên

– GV cần hướng dẫn, giúp đỡ để HS ở mọi trình độ đều tìm được đề tài cho bài kể (với kiểu bài kể chuyện đã nghe, đã đọc ; đã chứng kiến hoặc tham gia).

– GV cần tế nhị khi hướng dẫn HS kể chuyện.

+ Nếu có em đang kể bỗng lúng túng vì quên một vài chi tiết, GV có thể nhắc một cách nhẹ nhàng để em đó nhớ lại câu chuyện.

+ Nếu có em kể thiếu chính xác, GV cũng không nên ngắt ngang lời kể ; chỉ nhận xét khi các em đã kể xong.

+ Nên động viên, khuyến khích để các em kể tự nhiên, hồn nhiên, như là đang kể cho anh, chị, em hay bạn bè ở nhà.

+ Chú trọng nhận xét lời kể của HS theo hướng khích lệ để các em luôn cố gắng.

+ Khen ngợi những HS chuẩn bị bài tập KC *đã nghe, đã đọc* tốt, có khả năng nhớ câu chuyện, thậm chí *thuộc* được câu chuyện (đoạn truyện) mình yêu thích, biết kể lại câu chuyện bằng giọng kể biểu cảm.

– GV cần quan niệm một cách đúng mức về kể sáng tạo.

+ Kể chuyện sáng tạo có nhiều mức độ khác nhau, gắn với những kiểu bài tập khác nhau nhưng bản chất của kể chuyện sáng tạo không phải là kể khác nguyên văn mà là kể tự nhiên như sống với câu chuyện, kể bằng ngôn ngữ, giọng điệu của mình, thể hiện được cảm nhận của mình về câu chuyện đó.

+ Khi kể bằng giọng điệu, cảm xúc của chính mình, trẻ có thể hồn nhiên thêm vào câu chuyện một số câu chữ của mình, nhưng cũng có thể chỉ kể lại nguyên văn câu chuyện đã thuộc lòng. GV cần tránh cách hiểu máy móc dẫn đến sai lầm là khuyến khích HS thay những từ (chốt) đã được tác giả lựa chọn rất chính xác bằng những từ ngữ khác.

+ Chúng ta cũng không coi việc HS kể thuộc lòng câu chuyện, kể chính xác từng câu chữ theo văn bản truyện là thiếu sáng tạo. Chỉ trong trường hợp HS kể như đọc văn bản, vừa kể vừa cố nhớ lại một cách máy móc từng câu chữ trong văn bản, GV mới nhận xét kể như thế là chưa tốt.

+ Yêu cầu cao nhất về kể chuyện sáng tạo là ở những câu chuyện được chứng kiến hoặc tham gia. Đây là loại bài tập mới và khó. GV cần lưu ý HS :

• Không cần tìm những câu chuyện li kì, phức tạp. Điều cốt yếu là câu chuyện có nhân vật, có ý nghĩa và phù hợp với chủ điểm.

• Để xây dựng được câu chuyện, cần huy động những kiến thức về kể chuyện đã học trong các giờ Tập làm văn.

DẠY TẬP LÀM VĂN

A – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Phân môn Tập làm văn giúp HS :

1. Trang bị kiến thức và rèn luyện các kĩ năng làm văn.
2. Góp phần cùng các môn học khác mở rộng vốn sống, rèn luyện tư duy lô-gíc, tư duy hình tượng ; bồi dưỡng tâm hồn, cảm xúc thẩm mỹ, hình thành nhân cách cho HS.

B – NỘI DUNG DẠY – HỌC

1. Trang bị kiến thức và rèn luyện kĩ năng làm văn

a) Cấu trúc Chương trình Tập làm văn

Chương trình Tập làm văn lớp 4 được thiết kế như sau :

| Loại văn bản \ Số tiết | Học kì I | Học kì II | Cả năm |
|------------------------------|-----------|-----------|-----------|
| <i>Kể chuyện</i> | 19 | | 19 |
| <i>Miêu tả</i> | | | |
| – Khái niệm miêu tả | 1 | | 1 |
| – Miêu tả đồ vật | 6 | 4 | 10 |
| – Miêu tả cây cối | | 11 | 11 |
| – Miêu tả con vật | | 8 | 8 |
| <i>Các loại văn bản khác</i> | | | |
| – Viết thư | 3 | | 3 |
| – Trao đổi ý kiến | 2 | | 2 |
| – Giới thiệu hoạt động | 1 | 1 | 2 |
| – Tóm tắt tin tức | | 3 | 3 |
| – Điền vào giấy tờ in sẵn | | 3 | 3 |
| Tổng cộng số tiết | 32 | 30 | 62 |

b) Các kiến thức làm văn

– Văn kể chuyện

+ Thế nào là kể chuyện ?

+ Nhân vật trong truyện. Kể lại hành động của nhân vật. Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện. Kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật.

- + Cốt truyện
- + Đoạn văn trong bài văn kể chuyện. Mở bài trong bài văn kể chuyện. Kết bài trong bài văn kể chuyện.

- Văn miêu tả

- + Thế nào là miêu tả ?

- + Miêu tả đồ vật

- + Miêu tả cây cối

- + Miêu tả con vật

- Các loại văn bản khác

- + Viết thư

- + Trao đổi ý kiến với người thân

- + Giới thiệu hoạt động của địa phương

- + Tóm tắt tin tức

- + Điền vào giấy tờ in sẵn (phiếu khai báo tạm trú, tạm vắng ; thư chuyển tiền ; điện chuyển tiền đi ; giấy đặt mua báo chí)

c) Các kĩ năng làm văn

- Kĩ năng định hướng hoạt động giao tiếp

- + Nhận diện loại văn bản.

- + Phân tích đề bài.

- Kĩ năng lập chương trình hoạt động giao tiếp

- + Xác định dàn ý của bài văn đã cho.

- + Tìm và sắp xếp ý thành dàn ý trong bài văn kể chuyện.

- + Quan sát đối tượng, tìm và sắp xếp ý thành dàn ý trong bài văn miêu tả.

- Kĩ năng hiện thực hoá hoạt động giao tiếp

- + Xây dựng đoạn văn.

- + Liên kết các đoạn văn thành bài văn.

- Kĩ năng kiểm tra, đánh giá hoạt động giao tiếp

- + Đối chiếu văn bản nói, viết của bản thân với mục đích giao tiếp và yêu cầu diễn đạt.

- + Sửa lỗi về nội dung và hình thức diễn đạt.

d) Các loại bài học

- Dạy lí thuyết

Cũng như ở phân môn Luyện từ và câu, các bài học lí thuyết Tập làm văn (về kể chuyện, miêu tả, viết thư) đều có cấu tạo gồm ba phần : *Nhận xét, Ghi nhớ, Luyện tập*. Chức năng của mỗi phần cũng giống chức năng các phần tương tự ở phân môn Luyện từ và câu.

– Hướng dẫn thực hành

Các bài hướng dẫn thực hành nhằm mục đích rèn luyện kĩ năng làm văn, thường gồm 2, 3 bài tập nhỏ hoặc một đề bài tập làm văn kèm theo gợi ý luyện tập theo hai hình thức nói và viết.

2. Mở rộng vốn sống, rèn luyện tư duy, bồi dưỡng tâm hồn, cảm xúc thẩm mĩ, hình thành nhân cách cho học sinh

Ở lớp 4, các loại bài làm văn đều gắn với các chủ điểm. Quá trình thực hiện các kĩ năng phân tích đề, tìm ý, quan sát, viết đoạn là những cơ hội giúp trẻ mở rộng hiểu biết về cuộc sống theo các chủ điểm đã học. Việc phân tích dàn bài, lập dàn ý, chia đoạn bài văn kể chuyện, bài văn miêu tả, tóm tắt truyện, quan sát đối tượng... góp phần phát triển khả năng phân tích, tổng hợp, phân loại của HS. Tư duy hình tượng của trẻ cũng được rèn luyện nhờ vận dụng các biện pháp so sánh, nhân hoá... khi miêu tả nhân vật, miêu tả đồ vật ; nhờ huy động vốn sống, huy động trí tưởng tượng để xây dựng cốt truyện.

Học các tiết Tập làm văn, HS cũng có điều kiện tiếp cận với vẻ đẹp của con người, thiên nhiên qua các bài văn, đoạn văn điển hình. Khi phân tích đề tập làm văn, HS lại có dịp hướng tới cái chân, cái thiện, cái mĩ được định hướng trong các đề bài. Khi quan sát đồ vật trong văn miêu tả, HS được rèn luyện cách nhìn đối tượng trong quan hệ gắn gũi giữa người và vật. Các bài luyện tập viết thư, trao đổi với người thân, giới thiệu địa phương, tóm tắt tin tức, điền vào giấy tờ in sẵn cũng tạo cơ hội cho HS thể hiện mối quan hệ với cộng đồng... Những cơ hội đó làm cho tình cảm yêu mến, gắn bó với thiên nhiên, với người và việc xung quanh của trẻ nảy nở ; tâm hồn, tình cảm của trẻ thêm phong phú. Đó là những nhân tố quan trọng góp phần hình thành nhân cách tốt đẹp của trẻ.

C – CÁC BIỆN PHÁP DẠY – HỌC

1. Hướng dẫn phân tích ngữ liệu

Để hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu, GV áp dụng các biện pháp sau :

a) *Giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập*

– Cho HS đọc thầm rồi trình bày lại yêu cầu của bài tập.

– GV giải thích thêm cho rõ yêu cầu của bài tập.

– Tổ chức cho HS thực hiện làm mẫu một phần của bài tập để cả lớp nắm được yêu cầu của bài tập đó.

b) Tổ chức cho HS thực hiện bài tập

– Tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, theo nhóm để thực hiện bài tập.

– Tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng nhiều hình thức khác nhau.

– Trao đổi với HS, sửa lỗi cho HS hoặc tổ chức để HS góp ý cho nhau, đánh giá nhau trong quá trình làm bài.

– Sơ kết, tổng kết ý kiến HS ; ghi bảng nếu cần thiết.

2. Hướng dẫn luyện tập, thực hành

GV thực hiện các biện pháp như đã nêu ở mục C-1. *Hướng dẫn phân tích ngữ liệu.*

D – QUY TRÌNH DẠY BÀI TẬP LÀM VĂN

1. Kiểm tra bài cũ

GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức cần ghi nhớ hoặc làm bài tập thực hành.

2. Dạy bài mới

a) Đối với loại bài dạy lí thuyết

– Giới thiệu bài

GV nêu yêu cầu của tiết học, chú ý làm nổi bật mối quan hệ giữa nội dung tiết học này với các tiết học khác.

– Hình thành khái niệm :

+ Phân tích ngữ liệu : GV hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu theo cách đã trình bày ở mục C – *Các biện pháp dạy – học.*

+ Ghi nhớ kiến thức : GV cho HS đọc thầm rồi nhắc lại phần *Ghi nhớ* trong SGK.

– Hướng dẫn luyện tập : GV hướng dẫn HS làm bài tập thực hành theo cách đã trình bày ở mục C – *Các biện pháp dạy – học.*

– Củng cố, dặn dò :

+ Chốt lại những kiến thức, kĩ năng cần nắm vững.

+ Nhận xét tiết học.

+ Nêu yêu cầu thực hành luyện tập ở nhà.

b) Đối với loại bài thực hành

– Giới thiệu bài.

– Hướng dẫn thực hành.

– Củng cố, dặn dò.